

Số : 1906 /QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, , ngày 12/ tháng 9 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt quy hoạch phát triển rau, hoa, cây cảnh
tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020.**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính Phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ – CP ngày 07/9/2006 của Chính Phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/ NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính Phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 275 /TTr-SNN-NN ngày 31/8 /2012.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch phát triển rau, hoa, cây cảnh tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020 với những nội dung chính sau:

I. Quan điểm phát triển:

- Sản xuất rau, hoa, cây cảnh ở Bà Rịa – Vũng Tàu là ngành hàng chủ lực của tỉnh, phải được tập trung đầu tư hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

- Sản xuất rau đạt chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, tăng dần tỷ lệ sản xuất rau an toàn theo quy trình VietGAP.

- Gắn sản xuất với thị trường, tạo ra sản phẩm rau, hoa, cây cảnh hàng hóa có đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

- Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao vào sản xuất rau, hoa, cây cảnh theo hướng bền vững.

II. Mục tiêu phát triển:

- Đến năm 2020 có 100% rau sản xuất, sơ chế theo quy trình VietGAP.

- Nâng cao giá trị sản xuất rau trên một đơn vị diện tích, bình quân từ 300 triệu đến 600 triệu đồng/ha/năm.

- Xây dựng thành công vùng sản xuất rau chuyên canh phát triển bền vững, ổn định lâu dài, có năng lực sản xuất và cung ứng rau thực phẩm an toàn cho thị trường nội tỉnh với sản lượng rau vùng chuyên canh năm 2015 là 110.000tấn (chiếm 60 % sản lượng rau toàn tỉnh), đến năm 2020 sản lượng rau vùng chuyên canh là 170.000 (chiếm 70,8 % sản lượng rau toàn tỉnh).

- Xây dựng các cụm sản xuất hoa, cây cảnh tập trung hình thành các làng nghề, tạo cảnh quan môi trường sinh thái hỗ trợ dịch vụ, du lịch phát triển.

- Đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật và công nghệ cao vào sản xuất rau, hoa, cây cảnh, tạo ra sản phẩm với giá thành hợp lý, chất lượng cao, xây dựng nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh và mở rộng thị trường tiêu thụ rau, hoa, cây cảnh ra các tỉnh và thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía nam.

- Khuyến khích, ưu đãi các nhà đầu tư, doanh nghiệp vào sản xuất, chế biến và kinh doanh rau thực phẩm, hoa, cây cảnh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, đưa vùng ven đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trở thành vành đai xanh vừa sản xuất thực phẩm vừa gắn sản xuất rau, hoa cây cảnh với hoạt động du lịch sinh thái vườn.

III. Nội dung Quy hoạch:

1. Quy hoạch vùng sản xuất rau chuyên canh đến năm 2020:

Đến năm 2020, diện tích đất quy hoạch vùng sản xuất rau chuyên canh toàn tỉnh là 1.400ha, diện tích gieo trồng 8.151,7 ha, sản lượng rau 170.132,4 tấn. Cụ thể:

Hạng mục	Đơn vị tính	Quy hoạch 2020
1. Diện tích chuyên canh	Ha	1.400
2. Diện tích gieo trồng	Ha	8.151,7
3. Sản lượng rau	Tấn	170.132,4
4. Năng suất trung bình	Tấn/ha	20,9
5. Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	610,33
6. GTSL bình quân 1 ha canh tác	Triệu đồng	395,18
7. GTSL bình quân 1 ha gieo trồng rau	Triệu đồng	67,54
8. Tổng chi phí sản xuất	Tỷ đồng	404,21
9. Tổng lợi nhuận	Tỷ đồng	205,37
10. Tổng thu nhập	Tỷ đồng	366,41

Ghi chú: GTSL: giá trị sản lượng

1.1. Địa bàn quy hoạch vùng sản xuất rau chuyên canh đến năm 2020:

- Thành phố Bà Rịa: 01 xã Long Phước, với diện tích đất canh tác là 34 ha.

- Huyện Tân Thành 03 xã gồm: xã Tân Hải, xã Châu Pha, xã Sông Xoài. Với tổng diện tích đất canh tác là 823 ha.

- Huyện Châu Đức 03 xã gồm: xã Bình Giã, xã Bình Trung, xã Xuân Sơn. Với tổng diện tích đất canh tác là 170 ha.

- Huyện Đất Đỏ 03 xã, Thị trấn gồm: thị trấn Đất Đỏ, xã Phước Long Thọ, xã Phước Hội. Với tổng diện tích đất canh tác 254 ha.

- Huyện Xuyên Mộc 02 xã gồm: xã Phước Tân, xã Phước Bửu. Với tổng diện tích đất canh tác 105 ha.

- Huyện Côn Đảo: với diện tích đất canh tác 14 ha.

1.2 Phân theo từng tiểu vùng sản xuất rau chuyên canh đến năm 2020:

- Tiểu vùng 1: xã Long Phước, Thành phố Bà Rịa. Với tổng diện tích đất canh tác 34 ha, diện tích gieo trồng 219 ha, sản lượng 4.887 tấn.

- Tiểu vùng 2: xã Tân Hải, huyện Tân Thành. Với diện tích đất canh tác 133 ha, diện tích gieo trồng 1.024 ha, sản lượng 23.612 tấn.

- Tiểu vùng 3: xã Châu Pha, xã Sông Xoài, huyện Tân Thành. Với tổng diện tích đất canh tác 690 ha, diện tích gieo trồng 3.629 ha, sản lượng 81.250 tấn.

- Tiểu vùng 4: xã Bình Giã, Bình Trung, Xuân Sơn, huyện Châu Đức. Với tổng diện tích đất canh tác 170 ha, diện tích gieo trồng 875 ha, sản lượng 15.759 tấn.

- Tiểu vùng 5: thị trấn Đất Đỏ, xã Phước Long Thọ, xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ. Với tổng diện tích đất canh tác 254 ha, diện tích gieo trồng 1.611 ha, sản lượng 29.537 tấn.

- Tiểu vùng 6: xã Phước Tân, Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc. Với tổng diện tích đất canh tác 105 ha, diện tích gieo trồng 683 ha, sản lượng 13.248 tấn.

- Tiểu vùng Côn Đảo: với tổng diện tích đất canh tác 14 ha, diện tích gieo trồng 111 ha, sản lượng 1.840 tấn.

Quy mô vùng sản xuất rau chuyên canh đến năm 2020 phân theo từng tiểu vùng cụ thể như sau:

STT	Tiểu vùng	Hiện trạng 2010 (ha)	Kế hoạch 2015 (ha)	Quy hoạch 2020 (ha)
1	Tiểu vùng 1 (xã Long Phước- TP Bà Rịa)	26,0	28,0	34,0
2	Tiểu vùng 2 (Xã Tân Hải – huyện Tân Thành)	136,4	133,0	133,0
3	Tiểu vùng 3 (Xã Châu Pha, xã Sông Xoài- huyện Tân Thành)	482,5	610,0	690,0
4	Tiểu vùng 4 (Xã Bình Giã, Bình Trung, Xuân Sơn- huyện Châu Đức)	45,0	80,0	170,0
5	Tiểu vùng 5 (TT.Đất Đỏ, xã Phước Long Thọ, Phước Hội - huyện Đất Đỏ)	145,0	185,0	254,0
6	Tiểu vùng 6 (Xã Phước Tân, Phước Bửu- huyện Xuyên Mộc)	14,0	60,5	105,0
7	Tiểu vùng Côn Đảo	4,0	14,0	14,0
	Cộng	852,9	1.110,5	1.400,0

1.3. Cơ cấu mùa vụ, chủng loại rau, dự kiến sản lượng:

Cơ cấu các chủng loại rau gồm:

- Nhóm rau ăn lá: diện tích gieo trồng năm 2015 đạt 2.360 ha, năm 2020 đạt 3.446,1 ha. Sản lượng ước tính năm 2015 đạt 47.552,6 tấn, năm 2020 đạt 72.528,6 tấn.

- Nhóm rau ăn quả: diện tích gieo trồng năm 2015 đạt 896,7 ha, năm 2020 đạt 1.366,8 ha. Sản lượng ước tính năm 2015 đạt 17.100,7 tấn, năm 2020 đạt 27.623,0 tấn.

- Nhóm rau gia vị: diện tích gieo trồng năm 2015 đạt 1.043,7 ha, năm 2020 đạt 1.526,1 ha. Sản lượng ước tính năm 2015 đạt 21.216,5 tấn, năm 2020 đạt 32.694,9 tấn.

- Nhóm rau nhiệt đới hóa: diện tích gieo trồng năm 2015 đạt 37,2 ha, năm 2020 đạt 61,4 ha. Sản lượng ước tính năm 2015 đạt 691,8 tấn, năm 2020 đạt 1.227,0 tấn.

- Nhóm các loại rau, dưa khác: diện tích gieo trồng năm 2015 đạt 1.209,9 ha, năm 2020 đạt 1.751,3 ha. Sản lượng ước tính năm 2015 đạt 23.901,3 tấn, năm 2020 đạt 36.058,9 tấn.

Dự kiến diện tích và sản lượng các chủng loại rau đến năm 2020 cụ thể như sau:

ĐVT: Diện tích (ha), Sản lượng (tấn)

STT	Hạng mục	Hiện trạng 2010	Kế hoạch 2015	Quy hoạch 2020
	Diện tích canh tác rau	852,9	1.110,5	1.400,0
I	Tổng diện tích gieo trồng các loại	3.597,7	5.547,6	8.151,7
	Vụ Đông Xuân	1.379,8	2.131,2	3.135,7
	Vụ Hè Thu	1.073,2	1.653,1	2.427,1
	Vụ Mùa	1.144,7	1.763,3	2.588,9
II	Diện tích các chủng loại rau	3.597,7	5.547,8	8.151,7
1	Rau ăn lá	1.578,4	2.360,0	3.446,1
	Vụ Đông Xuân	599,8	896,8	1.309,5
	Vụ Hè Thu	473,5	708,0	1.033,8
	Vụ Mùa	505,1	755,2	1.102,8
2	Rau ăn quả	544,3	896,7	1.366,8
	Vụ Đông Xuân	206,8	340,7	519,4
	Vụ Hè Thu	163,3	269,0	410,0
	Vụ Mùa	174,2	286,9	437,4
3	Rau gia vị	672,3	1.043,7	1.526,1
	Vụ Đông Xuân	255,5	396,6	579,9
	Vụ Hè Thu	201,7	313,1	457,8
	Vụ Mùa	215,1	334,0	488,4
4	Rau nhiệt đới hóa	20,5	37,2	61,4
	Vụ Đông Xuân	20,5	37,2	61,4
	Vụ Hè Thu	-	-	-
	Vụ Mùa	-	-	-
5	Các loại rau – dưa khác	782,3	1.209,9	1.751,3
	Vụ Đông Xuân	297,3	459,8	665,5
	Vụ Hè Thu	234,7	363,0	525,4
	Vụ Mùa	250,3	387,2	560,4
III	Sản lượng các chủng loại rau	67.417,8	110.462,9	170.132,4
1	Rau ăn lá	29.571,9	47.552,6	72.528,6
	Vụ Đông Xuân	11.833,1	19.058,9	28.990,1
	Vụ Hè Thu	8.980,9	14.297,7	21.655,7
	Vụ Mùa	8.757,9	14.196,0	21.882,7
2	Rau ăn quả	9.662,5	17.100,8	27.623,0
	Vụ Đông Xuân	3.811,5	6.736,5	10.863,6
	Vụ Hè Thu	2.906,6	5.154,3	8.338,6
	Vụ Mùa	2.944,3	5.209,9	8.420,7
3	Rau gia vị	13.155,3	21.216,5	32.694,9
	Vụ Đông Xuân	5.221,2	8.257,0	13.031,2
	Vụ Hè Thu	3.920,4	6.389,7	9.672,8
	Vụ Mùa	4.013,8	6.569,8	9.990,9
4	Rau nhiệt đới hóa	347,8	691,8	1.227,0
	Vụ Đông Xuân	347,8	691,8	1.227,0
	Vụ Hè Thu	-	-	-
	Vụ Mùa	-	-	-
5	Các loại rau – dưa khác	14.680,3	23.901,3	36.058,9
	Vụ Đông Xuân	5.860,0	9.570,9	14.467,4
	Vụ Hè Thu	4.343,8	7.102,3	10.750,6
	Vụ Mùa	4.476,5	7.228,1	10.818,6

2. Quy hoạch phát triển vùng sản xuất hoa, cây cảnh tập trung đến năm 2020

Đến năm 2020, diện tích canh tác quy hoạch phát triển vùng sản xuất hoa, cây cảnh tập trung là 300 ha, cụ thể:

Hạng mục	Đơn vị tính	Quy hoạch 2020
1. Diện tích chuyên hoa, cây cảnh	Ha	300
2. Diện tích gieo trồng nhóm hoa ngắn ngày	Ha	480
3. Sản lượng hoa ngắn ngày	Tấn	9.240
4. Diện tích lan	Ha	40
5. Sản lượng lan	1.000 cành	32.000
6. Diện tích hoa, cây cảnh khác	Ha	140
7. Sản lượng hoa cây cảnh khác	1.000 sản phẩm	560
8. Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	488,6
9. GTSL bình quân 1 ha canh tác hoa, cây cảnh	Triệu đồng	1.628,66
10. Tổng chi phí sản xuất	Tỷ đồng	338,888
11. Tổng lợi nhuận	Tỷ đồng	149,711
12. Tổng thu nhập	Tỷ đồng	189,744

Ghi chú GTSL: giá trị sản lượng

2.1. Quy mô vùng sản xuất hoa, cây cảnh tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020 cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Kế hoạch 2015				Quy hoạch 2020			
		Diện tích canh tác (ha)	Diện tích canh tác theo nhóm hoa cây cảnh (ha)			Diện tích canh tác (ha)	Diện tích canh tác theo nhóm hoa cây cảnh (ha)		
			Hoa ngắn ngày	Hoa lan	Cây cảnh, cây xanh đô thị		Hoa ngắn ngày	Hoa lan	Cây cảnh, cây xanh đô thị
	TOÀN TỈNH	211,0	89,6	18,8	102,7	300,0	120,0	40,0	140,0
1	TP. Vũng Tàu	13,7	2	1,8	9,9	16	2,0	4,0	10,0
	Cụm 1:	13,7	2	1,8	9,9	16	2,0	4,0	10,0
	Phường 10, 11, 12	5,7		0,8	4,9	7,0		2,0	5,0
	Phường Thắng Nhất,	4,9	2,0	0,4	2,5	5,0	2,0	0,5	2,5
	Phường Rạch Dừa	3,1		0,6	2,5	4,0		1,5	2,5
2	TP. Bà Rịa	44,8	30	2,3	12,5	57	36,0	5,0	16,0
	Cụm 2:	44,8	30	2,3	12,5	57	36,0	5,0	16,0
	Phường Kim Dinh	23,6	20	0,6	3	29,0	25,0	1,0	3,0
	Phường Long Hương	6,0	4,0	0,5	1,5	7,0	5,0	1,0	1,0
	Phường Phước Hưng	2,7	2,0	0,2	0,5	1,5		0,5	1,0
	Xã Tân Hưng	5,7	4,0	0,2	1,5	8,5	6,0	0,5	2,0
	Xã Hòa Long	4,5		0,5	4,0	7,0		1,0	6,0
	Xã Long Phước	2,3		0,3	2,0	4,0		1,0	3,0
3	Huyện Tân Thành	66,6	39,2	2,7	24,7	89	47,0	6,0	36,0
	Cụm 3:	27,2	15,2	0,9	11,1	40	22,0	2,0	16,0
	TT. Phú Mỹ	1,5			1,5	2,0			2,0
	Xã Mỹ Xuân	2,0			2,0	3,0			3,0
	Xã Tân Phước	3,0			3,0	4,0			4,0
	Xã Phước Hòa	13,7	11,2	0,5	2,0	20,0	16,0	1,0	3,0

	Xã Tân Hòa	1,1		0,5	0,6	2,0		1,0	1,0
	Xã Tân Hải	6,0	4,0		2,0	9,0	6,0		3,0
	Cụm 4:	39,4	24,0	1,8	13,6	49,0	25,0	4,0	20,0
	Xã Châu Pha	30,5	24,0	0,9	5,6	35,0	25,0	2,0	8,0
	Xã Tóc Tiên	5,5		0,5	5,0	8,0		1,0	7,0
	Xã Hắc Dịch	3,4		0,4	3,0	6,0		1,0	5,0
4	Huyện Châu Đức	30,8	7,0	0,8	23,0	51,0	15,0	1,0	35,0
	Cụm 5:	30,8	7,0	0,8	23,0	51,0	15,0	1,0	35,0
	TT. Ngãi Giao	4,3		0,3	4,0	4,4		0,4	4,0
	Xã Suối Nghệ	9,3	4,0	0,3	5,0	17,3	9,0	0,3	8,0
	Xã Nghĩa Thành	7,2	3,0	0,2	4,0	12,2	6,0	0,2	6,0
	Xã Đá Bạc	4,0			4,0	6,0			6,0
	Xã Bàu Chinh	3,0			3,0	5,0			5,0
	Xã Kim Long	3,1		0,1	3,0	6,1		0,1	6,0
5	Huyện Long Điền	24,2	6,0	4,1	14,1	37,0	8,0	8,0	21,0
	Cụm 6:	10,5	4,0		6,5	15,0	6,0		9,0
	TT. Long Điền	4,0	2,0		2,0	6,0	3,0		3,0
	Xã An Ngãi	3,5	2,0		1,5	5,0	3,0		2,0
	Xã An Nhứt	3,0			3,0	4,0			4,0
	Cụm 7:	13,7	2,0	4,1	7,6	22,0	2,0	8,0	12,0
	TT. Long Hải	4,3		1,1	3,2	7,0		3,0	4,0
	TT. Phước Hải	2,2		1,0	1,2	4,0		2,0	2,0
	Xã Phước Hưng	3,6	1,0	1,0	1,6	5,5	1,0	1,5	3,0
	Xã Tam Phước	3,6	1,0	1,0	1,6	5,5	1,0	1,5	3,0
6	Huyện Đất Đỏ	18,9	4,0	4,9	10,0	30,0	9,0	11,0	10,0
	Cụm 8:	18,9	4,0	4,9	10,0	30,0	9,0	11,0	10,0
	TT. Đất Đỏ	4,5		1,5	3,0	6,0		3,0	3,0
	Xã Phước Long Thọ	3,5	2,0	0,5	1,0	5,0	3,0	1,0	1,0
	Xã Phước Hội	4,0	1,0	1,0	2,0	7,0	3,0	2,0	2,0
	Xã Long Mỹ	4,5	1,0	1,5	2,0	8,0	3,0	3,0	2,0
	Xã Lộc An	2,4		0,4	2,0	4,0		2,0	2,0
7	Huyện Xuyên Mộc	12,1	1,4	2,3	8,5	20	3,0	5,0	12,0
	Cụm 9:	12,1	1,4	2,3	8,5	20	3,0	5,0	12,0
	TT. Phước Bửu	5,0		1,0	4,0	6,0		2,0	4,0
	Xã Phước Thuận	4,35	1,35	1,0	2,0	9,0	3,0	2,0	4,0
	Xã Xuyên Mộc	2,75		0,25	2,5	5,0		1,0	4,0

2.2. Dự kiến sản lượng các loại hoa, cây cảnh đến năm 2020

Dự kiến sản lượng các loại hoa, cây cảnh tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020 theo từng cụm như sau:

Hạng mục	Kế hoạch 2015			Quy hoạch 2020		
	Hoa ngắn ngày (tấn)	Hoa Lan (1000 cành)	Cây cảnh, Cây xanh đô thị (1000 SP)	Hoa ngắn ngày (tấn)	Hoa Lan (1000 cành)	Cây cảnh, Cây xanh đô thị (1000 SP)
TOÀN TỈNH	5.552,1	12.375,00	349,18	9.240,00	32.000,00	560,00
TP. Vũng Tàu	124,00	1.188,00	33,66	154,00	3.200,00	40,00
Cụm 1	124,00	1.188,00	33,66	154,00	3.200,00	40,00
TP. Bà Rịa	1.860,00	1.485,00	42,50	2.772,00	4.000,00	64,00

Cụm 2	1.860,00	1.485,00	42,50	2.772,00	4.000,00	64,00
H.Tân Thành	2.430,40	1.782,00	83,98	3.619,00	4.800,00	144,00
Cụm 3	942,40	594,00	37,74	1.694,00	1.600,00	64,00
Cụm 4	1.488,00	1.188,00	46,24	1.925,00	3.200,00	80,00
H. Châu Đức	434,00	528,00	78,20	1.155,00	800,00	140,00
Cụm 5	434,00	528,00	78,20	1.155,00	800,00	140,00
H.Long Điền	372,00	2.673,00	47,94	616,00	6.400,00	84,00
Cụm 6	248,00	-	22,10	462,00	-	36,00
Cụm 7	124,00	2.673,00	25,84	154,00	6.400,00	48,00
H. Đất Đỏ	248,00	3.234,00	34,00	693,00	8.800,00	40,00
Cụm 8	248,00	3.234,00	34,00	693,00	8.800,00	40,00
H. Xuyên Mộc	83,70	1.485,00	28,90	231,00	4.000,00	48,00
Cụm 9	83,70	1.485,00	28,90	231,00	4.000,00	48,00

3. Các giải pháp thực hiện quy hoạch:

3.1. Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất rau, hoa, cây cảnh:

- Xây dựng giao thông nội đồng, thủy lợi nội đồng, điện phục vụ sản xuất, sơ chế bảo quản rau.

- Xây dựng nhà mát sơ chế, bảo quản rau, trang thiết bị kiểm tra nhanh dư lượng thuốc bảo vệ thực vật.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng mới nhà lưới, mô hình trồng nấm và xây dựng hoàn chỉnh đồng ruộng, với mô hình tưới tiết kiệm nước cho rau, hoa cây cảnh.

- Xây dựng khu trung bày, giới thiệu, buôn bán hoa cây cảnh.

3.2. Ứng dụng khoa học công nghệ kỹ thuật mới sản xuất rau, hoa, cây cảnh.

- Luân, xen canh rau.

- Xử lý đất, vệ sinh ruộng vườn trồng rau.

- Giống rau: chọn giống rau sạch bệnh, đảm bảo chất lượng.

- Bón phân: sử dụng phân bón đúng chủng loại, liều lượng, thời gian và cách bón theo quy trình kỹ thuật trồng rau an toàn.

- Phòng trừ sâu bệnh hại đối với rau an toàn: áp dụng quy trình kỹ thuật quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên rau, từng bước áp dụng sản xuất rau theo hướng thực hành nông nghiệp tốt.

- Trồng rau trong nhà lưới, nhà màng.

- Thu hoạch và bảo quản rau: thu hoạch rau theo quy trình kỹ thuật, đúng thời điểm đạt năng suất và chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm; Bảo quản rau sau khi thu hoạch đúng kỹ thuật với các biện pháp thích hợp với từng loại rau để tránh dập nát hoặc làm thay đổi hình thái và chất lượng sản phẩm rau.

- Ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất rau, hoa, cây cảnh.

3.3. Đào tạo nguồn nhân lực và công tác khuyến nông chuyển giao kỹ thuật phục vụ sản xuất rau, hoa, cây cảnh.

- **Đào tạo nguồn nhân lực:** đào tạo lao động trực tiếp sản xuất tại các nông hộ, trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp; Đào tạo chủ trang trại cả về kỹ thuật và quản lý; đào tạo các thành viên Ban Quản lý HTX về nghiệp vụ quản lý, điều hành HTX; đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật trình độ đại học và sau đại học có năng lực chuyên môn sâu về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái đô thị, nông nghiệp sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng cao (VietGAP, Global GAP...)

- **Công tác khuyến nông và chuyển giao kỹ thuật:** mở các lớp huấn luyện và chuyển giao kỹ thuật cho 100% lao động chính tại các hộ thuộc vùng sản xuất tập trung rau an toàn; Đào tạo kiến thức chuyên môn kỹ thuật sâu về sản xuất sơ chế bảo quản rau an toàn cho mạng lưới khuyến nông cơ sở và câu lạc bộ sản xuất rau an toàn; Phối hợp với Viện, trường mở các lớp huấn luyện kỹ thuật, tổ chức hội thảo chuyên đề về rau an toàn, hoa, cây cảnh.

3.4. Xây dựng nhãn hiệu hàng hóa hoặc đăng ký nguồn gốc xuất xứ hàng hóa và mở rộng thị trường tiêu thụ rau.

- Đối với mô hình kinh tế hợp tác (tổ hợp tác, HTX) nên chủ động xây dựng tiêu chuẩn nhãn hàng hóa rau an toàn.

- Xây dựng các kênh phân phối – tiêu thụ rau an toàn:

+ Đưa rau an toàn đến các hộ sử dụng theo đúng đơn đặt hàng từng ngày hoặc tuần với hợp đồng kinh tế đã ký.

+ Thiết lập chuỗi các cửa hàng bán rau an toàn tại chợ đầu mối, khu dân cư tập trung hoặc đưa vào các cửa hàng tự chọn, siêu thị thông qua hợp tác liên kết, ký gửi hoặc đầu tư.

+ Xây dựng chuỗi liên kết theo chu trình từ sản xuất, sơ chế - thu mua vận chuyển - phân phối rau an toàn một cách hợp lý, đạt hiệu quả cao nhất.

+ Tạo điều kiện thuận lợi và mời gọi các thương lái, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đến tham gia thu mua, tiêu thụ rau an toàn.

3.5. Chính sách khuyến khích sản xuất, tiêu thụ rau an toàn (kể cả nấm), hoa, cây cảnh:

- Chính sách hỗ trợ phát triển rau an toàn sản xuất theo quy trình VietGAP.

- Hỗ trợ xây dựng một số phòng nuôi cấy mô sản xuất meo nấm, giống hoa lan, cây cảnh. Để chủ động nguồn giống lan trong nước cần có sự hỗ trợ cho các hộ, doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất giống lan từ công nghệ nuôi cấy mô. Nhà nước hỗ trợ các khâu: hỗ trợ lãi suất vốn vay xây dựng cơ sở, hỗ trợ đào tạo nhân lực, hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật, ưu đãi về thuế...

3.6. Tổ chức sản xuất, tiêu thụ rau, hoa, cây cảnh:

Củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã hiện có và thành lập mới các Hợp tác xã sản xuất kinh doanh rau, hoa, cây cảnh; tuyên truyền vận động các hộ trồng rau tự nguyện thành lập các tổ hợp tác, câu lạc bộ sản xuất rau an toàn, hoa cây cảnh.

3.7. Đề xuất, một số dự án ưu tiên đầu tư:

- Dự án đầu tư phát triển rau an toàn tiểu vùng 1 (xã Long Phước, TP. Bà Rịa).

- Dự án đầu tư phát triển rau an toàn tiểu vùng 2 (xã Tân Hải, huyện Tân Thành).